



Số:

Việt Trì, ngày 18 tháng 04 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH
Năm báo cáo: 2010

I - LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành công ty

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu nghị Vĩnh Sinh là Công ty TNHH Bao bì xi măng Chính An, hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 1802001211 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009.
- Đến ngày 31 tháng 8 năm 2009 Công ty chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp với vốn điều lệ là 29.000.000.000 đồng.
- Đến ngày 23 tháng 12 năm 2009 Công ty đăng ký thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 01 từ số 1803000880 sang số 2600632004 và đăng ký lại lần thứ 01 tăng vốn điều lệ lên là 72.000.000.000 đồng.
- Đến ngày 27 tháng 04 năm 2010 Công ty đăng ký thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 02 với vốn điều lệ là 72.000.000.000 đồng.
- Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu nghị Vĩnh Sinh
- Tên tiếng Anh: Huu Nghi Vinh Sinh Mining and Mecanic Joint Stock Company
- Tên viết tắt: MMC
- Trụ sở chính: Khu Chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 0210 2220 350
- Fax: 0210 3857 458
- Email: huunghivinhsinh@gmail.com
- Website: www.vinhsinh.vn
- Logo công ty:



- Ngày 15/09/2010, Công ty CP Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh chính thức giao dịch trên thị trường UpCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Quá trình phát triển:

2.1. Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 72.000.000.000 đồng

Số cổ phần: 7.200.000 cổ phần

Đơn vị tính: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ	Số vốn tăng thêm	Hình thức tăng vốn
Trong năm 2009 (từ khi ĐKKD lần đầu tháng 9/2009 đến 22/12/2009)	29.000.000.000		
Ngày 23/12/2009	29.000.000.000	43.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/12/2009 (*)
Từ 23/12/2009 đến nay	72.000.000.000		

(*) Chi tiết đợt phát hành:

- Phương án phát hành: phát hành riêng lẻ;
- Tổng số lượng chào bán: 4.300.000 cổ phần;
- Tổng giá trị chào bán: 43.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ đồng)
- Đối tượng chào bán: Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương (đối tác chiến lược)
- Hình thức góp vốn:
 - + Bằng tài sản: 42.754.672.404 đồng (Theo chứng thư thẩm định giá).
 - + Bằng tiền mặt: 245.327.596 đồng.

2.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bao bì xi măng;
- Gia công, chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị cơ khí;
- Sản xuất kinh doanh xi măng, phụ gia xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất gang, thép, kim loại màu;
- Chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;

- Xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; khu cụm công nghiệp, khu đô thị mới và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh các công trình nhiệt điện, thủy điện; lắp đặt sửa chữa hệ thống điện tử, điện nước;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống giải khát và các dịch vụ du lịch khác;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Kinh doanh đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng kim khí, vải sợi, hóa chất công nghiệp cơ bản; kinh doanh xăng dầu, mỡ các loại;
- Sản xuất, kinh doanh các loại phân hóa học, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm sản xuất kinh doanh).

2.3. Tình hình hoạt động

Từ sau khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, dưới sự chỉ đạo và điều hành phù hợp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty, tinh thần làm việc của toàn thể công nhân viên công ty đã có sự thay đổi tích cực do vậy hiệu quả công việc và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã tiến triển tốt hơn với giai đoạn là Công ty TNHH.

3. Định hướng phát triển công ty

3.1. Mục tiêu

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ, cơ khí, khai khoáng và đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông. Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Lấy sản xuất, thương mại và cơ khí làm nền tảng duy trì mọi hoạt động của Công ty.
- Lấy khai khoáng và đầu tư làm mũi nhọn trong tương lai.
- Phát huy, nâng cao năng lực tài chính và sức cạnh tranh, nâng dần thế mạnh của Công ty trong những năm sắp tới.

II – BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận như sau:

- Tổng doanh thu: 444.348.085.265 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 47.154.689.923 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 47.154.689.923 đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%/mệnh giá cổ phần

Tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2010 như sau:

- Tổng tài sản: 187.523.214.671 đồng
- + Tài sản ngắn hạn: 142.103.314.239 đồng

+ Tài sản dài hạn:	45.419.900.432 đồng
- Tổng nguồn vốn:	187.523.214.671 đồng
+ Nợ phải trả:	57.914.353.284 đồng
+ Vốn chủ sở hữu:	129.608.861.387 đồng

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Về chỉ tiêu doanh thu, Công ty thực hiện được 444.348.085.265 đồng, đạt tỷ lệ 87,07% so với kế hoạch năm 2010.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, Công ty thực hiện được 47.154.689.923 đồng, đạt tỷ lệ 91,24% so với kế hoạch năm 2010.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận sau trước thuế, Công ty thực hiện được 47.154.689.923 đồng, đạt tỷ lệ 91,24% so với kế hoạch năm 2010.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Thay đổi chiến lược kinh doanh: không
- Thay đổi trong hoạt động đầu tư (liên doanh, liên kết): không
- Thay đổi về sản phẩm, thị trường: không

4. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2011

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị công ty xác định hậu quả của việc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu vẫn chưa chấm dứt, tình hình lạm phát tăng cao, lãi suất ngân hàng vẫn ở mức cao, việc xây dựng kế hoạch hành động cho năm 2011 cần hết sức cẩn trọng và dựa vào thực lực của Công ty. Do vậy, Hội đồng quản trị đã thống nhất những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 như sau:

- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận so với kết quả thực hiện năm 2010.
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 72 tỷ đồng lên 144 tỷ đồng nhằm bổ sung vốn lưu động, tăng năng lực tài chính và sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Lĩnh vực khoáng sản và đầu tư là hoạt động kinh doanh mũi nhọn trong tương lai mang lại lợi nhuận cao cho Công ty. Do vậy, HĐQT sẽ chỉ đạo công tác nghiên cứu, tìm kiếm dự án đầu tư tiềm năng cho Công ty.
- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty để tạo niềm tin với nhà đầu tư.

Toàn Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2011, cố gắng đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận tối thiểu bằng 135% so với thực hiện năm 2010, tỷ lệ cổ tức dự kiến là 25%.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
- Tỷ số khả năng thanh toán		
+ Khả năng thanh toán hiện hành	2,45	2,73
+ Khả năng thanh toán nhanh	1,11	1,33
- Cơ cấu vốn		
+ Nợ/Tổng vốn	0,31	0,20
+ Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	1,45	1,25
- Tỷ số khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	10,61%	13,55%
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,61%	13,55%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,37	1,00
+ Lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	25,15%	13,53%
+ Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	65,49%	19,35%
+ EPS	6.549	5.588
+ Book Value (B/V)	17.674	11.452
- Tỷ số năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho (Vòng)	4,02	6,79

Phân tích:

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 tăng 332,2% so với năm 2009, giá vốn tăng 342% => Lợi nhuận gộp tăng 270,1%, tỷ lệ lãi gộp/doanh thu năm 2010 (11,71%) giảm 1,96% so với năm 2009 (13,67%). Có sự chênh lệch lớn như vậy là do năm 2009 Công ty chỉ hoạt động có 04 tháng, từ tháng 01/09/2009 đến 31/12/2009.
- Lợi nhuận hoạt động tài chính năm 2010 (-280.482.224) giảm so với năm 2009 (2.722.570) do trong năm 2010 Công ty có khoản vay ngắn hạn ngân hàng trong khi năm 2009 không có khoản vay nào.
- Tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu năm 2010 (1,03%) tăng so với năm 2009 (0,12%) => lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu năm 2010 (10,61%) giảm 2,94% so với năm 2009 (13,55%). Lợi nhuận kinh doanh năm 2010 tăng 238,41% so với năm 2009.
- Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2010 tăng so với năm 2009, hiệu quả của vốn chủ sở hữu tăng, lợi nhuận vốn chủ sở hữu tăng.
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng => hiệu quả sử dụng tài sản tăng. Doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2010 là 2,37; năm 2009 là 1,00. Do tổng tài sản bình quân năm 2010 tăng so với năm 2009, doanh thu thuần năm 2010 tăng so với năm 2009, tốc độ tăng doanh thu lớn hơn tốc độ tăng của tổng tài sản làm cho doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng.
- Cơ cấu vốn, tổng tài sản/vốn chủ sở hữu tăng => Tăng sử dụng nợ vay, tăng rủi ro khả năng thanh toán. Tuy nhiên, chỉ số khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán tức nhanh đều lớn hơn 1 => Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán.

Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	31/12/2009		31/12/2010	
		Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	HĐQT + BKS	638.000	8,86%	638.000	8,86%
2	Tổ chức	1.080.000	15,00%	1.080.000	15,00%
	Tổ chức trong nước	1.080.000	15,00%	1.080.000	15,00%
	Tổ chức nước ngoài	-	0,00%	-	0,00%
3	Cá nhân	5.482.000	76,14%	5.482.000	76,14%
	Cá nhân trong nước	5.482.000	76,14%	5.482.000	76,14%
	Cá nhân nước ngoài	-	0,00%	-	0,00%
	TỔNG CỘNG	7.200.000	100,00%	7.200.000	100,00%

- Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành đến 31/12/2010 là: 7.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: không có
- Cổ tức: cổ tức công bố chia cho cổ đông là: 14.400.000.000 đồng

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2010, Ban giám đốc đã trực tiếp điều hành các phòng ban triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đăng ký với đại hội đồng cổ đông. Tuy Ban giám đốc đã chỉ đạo sâu sát, kịp thời và sự phấn đấu của nhân viên công ty nhưng do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khiến cho công ty chưa hoàn thành kế hoạch đề ra, cụ thể:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh kế hoạch 2010	So sánh thực hiện 2009
Tổng doanh thu	102.813.714.808	510.360.000.000	444.371.728.041	87,07%	432,21%
Tổng chi phí	88.879.543.344	458.680.000.000	397.217.038.118	86,60%	446,92%
Lợi nhuận trước thuế	13.934.171.464	51.680.000.000	47.154.689.923	91,24%	338,41%
Lợi nhuận sau thuế	13.934.171.464	51.680.000.000	47.154.689.923	91,24%	338,41%
Lãi cơ bản/cổ phiếu	5.588	7.178	6.549	91,24%	117,20%

Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm 2010:

- Về chỉ tiêu doanh thu, Công ty thực hiện được 444.371,728.041 đồng, đạt tỷ lệ 87,07% so với kế hoạch năm 2010, đạt 432,21% so với thực hiện 2009.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, Công ty thực hiện được 47.154.689.923 đồng, đạt tỷ lệ 91,24% so với kế hoạch năm 2010, đạt 338,41% so với thực hiện 2009.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, Công ty thực hiện được 47.154.689.923 đồng, đạt tỷ lệ 91,24% so với kế hoạch năm 2010, đạt 338,41% so với thực hiện 2009.

3. Những tiên bộ công ty đã đạt được

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, đáp ứng nhu cầu và định hướng phát triển của Công ty.

- Ban giám đốc đã chỉ đạo triệt để nhiệm vụ tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Trong quá trình hoạt động, ban kiểm soát đã làm việc tích cực, kịp thời hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Pháp luật

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2010, Ban giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch hoạt động năm 2011, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	tỷ lệ kế hoạch 2011/Thực hiện 2010
1	Tổng doanh thu	444.371.728.041	680.000.000.000	153,03%
2	Tổng chi phí	397.217.038.118	615.000.000.000	154,83%
3	Lợi nhuận trước thuế	47.154.689.923	65.000.000.000	137,84%
4	Lợi nhuận sau thuế	47.154.689.923	65.000.000.000	137,84%
5	Cổ tức (*)	20%	Dự kiến 25%	125,00%

(*) Năm 2010 vốn điều lệ là 72.000.000.000 đồng, năm 2011 dự kiến tăng vốn điều lệ lên là 144.000.000.000 đồng.

Dự kiến năm 2011 Công ty sẽ thực hiện với tổng doanh thu bằng 153,03% so với kết quả năm 2010, phần đầu thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế 37,84% so với thực hiện năm 2010.

Để có thể thực hiện thành công kế hoạch năm 2011, Ban giám đốc công ty sẽ có những nhóm giải pháp cụ thể triển khai từng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngay sau khi kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán. *(Đính kèm)*

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC)
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan khác.

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): không có

2. Kiểm toán nội bộ: (không có)

VI - CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Không có

VII - TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty CP Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh đến ngày 31/12/2010 gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty
 - b) Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử
 - c) Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên
 - d) Ban giám đốc Công ty: 01 Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng
 - e) Cơ cấu Công ty gồm:
 - 03 phòng chức năng tại văn phòng Công ty: Phòng Hành chính – Kế toán, Phòng Kinh doanh (tiêu thụ), Phòng quản lý dự án.
 - 03 Phân xưởng sản xuất: Phân xưởng may bao, Phân xưởng Điện – Điện tử, Phân xưởng cơ khí.
2. **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc:** (theo phụ lục đính kèm)
3. **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**
- Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2010 gồm có: 113 người

<i>TT</i>	<i>Lao động</i>	<i>Năm 2010</i>
1	<i>Trình độ đại học và trên đại học</i>	12
2	<i>Trình độ cao đẳng và trung cấp</i>	20
3	<i>Đã qua đào tạo tại các trường dạy nghề</i>	70
4	<i>Chưa qua đào tạo</i>	11
	<i>Tổng cộng</i>	113

Chính sách đối với người lao động:

- Đảm bảo việc ký kết hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi của người lao động theo đúng luật.
- Thực hiện đúng chế độ về lương
- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường, bình quân thu nhập năm 2010 tại Công ty đạt 2.900.000 đồng/người/tháng.
- Công ty rất quan tâm đến việc đào tạo nhân viên, Công ty luôn khuyến khích nhân viên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo phục vụ công việc ngày một tốt hơn.

VIII – THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên HĐQT Công ty đến ngày 31/12/2010 có 03 thành viên, trong đó số thành viên độc lập không điều hành là 01 thành viên.
- Ban kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm chức vụ điều hành công ty.

2. Hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện cơ chế họp định kỳ theo quý và có thể họp bất thường nếu có các vấn đề phát sinh và triển khai nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao cho, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đúng điều lệ và quy định pháp luật, trong đó bao gồm:

- Ban hành các quyết định về chủ trương, chính sách của HĐQT như: Quy chế công ty, thực hiện cơ cấu nhân sự, cấu trúc các phòng, phân xưởng.
- Chỉ đạo việc sản xuất kinh doanh năm 2010, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu nên đã chưa hoàn thành kế hoạch năm 2010.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch và đã đưa cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường UpCOM.
- Từng thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được chủ tịch HĐQT phân công.
- Và nhiều hoạt động khác.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty trong năm 2010 đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty; thực hiện các công việc khác theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2010;
- Thẩm định báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2010 trước khi trình đại hội đồng cổ đông trong phiên họp ngày 16/04/2011;
- Tham gia ý kiến trong lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của nhà nước, công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính tại Công ty;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT công ty theo thư mời;

4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Trong năm 2010, Công ty đã chi trước thù lao cho HĐQT và BKS Công ty là: 70.000.000 đồng. HĐQT đã đề xuất xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về mức chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2010 và 2011 như sau:

- Thành viên HĐQT: 9.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 6.000.000 đồng/tháng

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 08/03/2011)

STT	THÀNH VIÊN	31/12/2009		8/3/2011		THAY ĐỔI
		Số lượng CP	% VDL	Số lượng CP	% VDL	
1	Nguyễn Thị Yến	464.000	6,44%	464.000	6,44%	0,00%
2	Nguyễn Mạnh Hà	87.000	1,21%	87.000	1,21%	0,00%
3	Phan Văn Khích	87.000	1,21%	87.000	1,21%	0,00%
	TỔNG CỘNG	638.000	8,86%	638.000	8,86%	0,00%

6. Thông tin chi tiết về giao dịch cổ phiếu của thành viên BKS (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 08/03/2011)

STT	THÀNH VIÊN	31/12/2009		8/3/2011		THAY ĐỔI
		Số lượng CP	% VDL	Số lượng CP	% VDL	
1	Nguyễn Thị Thu Khoa	500	0,01%	500	0,01%	0,00%
2	Phan Văn Khoa	84.000	1,17%	84.000	1,17%	0,00%
3	Nguyễn Thị Thái	500	0,01%	500	0,01%	0,00%
	TỔNG CỘNG	85.000	1,18%	85.000	1,18%	0,00%

7. Thông tin chi tiết về giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan tới thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 08/03/2011)

STT	Người liên quan	31/12/2009		8/3/2011		THAY ĐỔI
		Số lượng CP	% VDL	Số lượng CP	% VDL	
1	Nguyễn Thị An	20.000	0,28%	20.000	0,28%	0,00%
2	Nguyễn Thị Miên	324.000	4,50%	344.000	4,78%	0,28%
3	Phan Hồng Sơn	313.500	4,35%	313.500	4,35%	0,00%
4	Phan Thị Hồng Nhung	339.000	4,71%	317.000	4,40%	-0,31%
5	Phan Văn Lợi	331.000	4,60%	278.500	3,87%	-0,73%
6	Phan Văn Ích	695.000	9,65%	695.000	9,65%	0,00%
7	Phan Thị Kim Xuyên	331.000	4,60%	331.000	4,60%	0,00%
8	Phan Thị Luyến	345.000	4,79%	345.000	4,79%	0,00%
9	Nguyễn Thị Lịch	500	0,01%	500	0,01%	0,00%
	TỔNG CỘNG	2.699.000	37,49%	2.644.500	36,73%	-0,76%

8. Các dữ liệu thống kê về cổ đông lớn/thành viên góp vốn (đến thời điểm 08/03/2011).

8.1. Tổ chức

Công ty có 01 thành viên góp vốn là tổ chức trong nước, cụ thể như sau:

- Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HÙNG VƯƠNG
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Thụy Vân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- GCNĐKKD số 1802000108 ngày 17/07/2001
- Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 1.080.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 15%
- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: không có

8.2. Cá nhân

Đến thời điểm 08/03/2011 Công ty có 02 cổ đông lớn là cá nhân (không tính Nguyễn Thị Yến là chủ tịch Hội đồng quản trị).

a) Phan Văn Ích

- Địa chỉ: Xã Sơn Dương, Lâm Thao, Phú Thọ
- CMND: 131071689 ngày cấp: 2/5/1990 nơi cấp CA Phú Thọ
- Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 695.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 9,65%
- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: không có

b) Nguyễn Kim Tuyền

- Địa chỉ: Xã Sơn Dương, Lâm Thao, Phú Thọ
- CMND: 130678917 ngày cấp: 18/09/2010 nơi cấp CA Phú Thọ
- Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty đến 31/12/2010: 691.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 9,60%
- Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty đến 08/03/2011: 661.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 9,18%
- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: Từ tháng 12/2010 đến 08/03/2011, số cổ phần Nguyễn Kim Tuyền nắm giữ giảm 0,42%

Việt Trì, ngày 18 tháng 04 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)